

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN LÚC
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2019/HS-ST
Ngày: 31-10-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LÚC, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Chí Cường

2. Bà Dương Thị Sáu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Diễm – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 73/2019/HSST ngày 22 tháng 8 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2019/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2019/HSST-QĐ ngày 11 tháng 10 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn Đ, tên gọi khác: Không, sinh năm 1995 tại Đồng Tháp. ĐKTT: Ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1971 và bà Huỳnh Thị Bé S, sinh năm 1974; bản thân chưa có vợ con; Tiền án; tiền sự: không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/7/2019 cho đến nay, có mặt.

2. Phan Thành T, tên gọi khác: Không, sinh năm 1994 tại Long An. ĐKTT: Ấp 2, xã P, huyện B, tỉnh Long An. Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Thành H, sinh năm 1969 và bà Đào Kim N, sinh năm 1969; bản thân chưa có vợ con; Tiền án: không; tiền sự: Ngày 26/3/2019, bị Công an xã Thanh Phú ban hành Quyết định xử phạt hành chính số 22/QĐ-XPVPHC về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” với số tiền là 750.000đ, Ngày 08/4/2019, bị Công an xã Thanh

Phủ ban hành Quyết định xử phạt hành chính số 62/QĐ-XPVPHC về hành vi “Tàng trữ, cất giấu các loại dao, các loại công cụ thường dùng trong lao động, sinh hoạt hằng ngày nhằm mục đích gây rối trật tự công cộng, cố ý gây thương tích cho người khác” với số tiền 2.500.000đ; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/7/2019 cho đến nay, có mặt.

- Bị hại: Ông Trương Quang T, sinh năm 1955 (vắng mặt – có đơn xét xử vắng mặt)

ĐKTT: Số 8, B, khu phố 4, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Vi Trung N, sinh năm 1988 (vắng mặt – Có đơn xét xử vắng mặt)

2. Trương Hoàng P, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Cùng ĐKTT: Số 8, Đường Đ, khu phố 4, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An.

3. Phạm Thành H, sinh năm 1980 (vắng mặt)

ĐKTT: Ấp 8, xã N, huyện B, tỉnh Long An.

4. Huỳnh Thị Bé S, sinh năm 1973 (vắng mặt)

ĐKTT: Ấp H, xã X, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

5. Phan Thanh H, sinh năm 1969 (có mặt)

ĐKTT: Số 55A, ấp 2, xã P, huyện B, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 09 giờ ngày 28/6/2019, Phạm Thành H có đem 01 sợi dây chuyền vàng 18K, trọng lượng 3,2 chỉ và 01 mặt dây chuyền khắc hình phật Di lặc có vàng bọc xung quanh, trọng lượng 3,2 chỉ cầm tại tiệm vàng K, địa chỉ: số 8, Đường Đ, khu phố 4, TT.B, huyện B do ông Trương Quang T làm chủ, với số tiền là 5.000.000đ và có lập biên nhận cầm đồ số hiệu 8090619, H nhận tiền và biên nhận. Đến khoảng 12 giờ cùng ngày, H đến tiệm game Hòa Bình thuộc khu phố 2, TT.B, huyện B chơi game làm rơi Biên nhận cầm đồ thì Nguyễn Văn Đ nhặt được và cất giữ. Sau đó Đ gặp Phan Thành T nói về việc nhặt và đang giữ Biên nhận cầm đồ của H, Đ nói với T là lấy Biên nhận cầm đồ ra tiệm vàng K cầm thêm hay bán lấy tiền chia nhau tiêu xài, T đồng ý và thống nhất là bán luôn. Khoảng 16 giờ 20

phút cùng ngày, Đ và T đến tiệm vàng K, T trực tiếp cầm Biên nhận cầm đồ vào trong tiệm, còn Đ đứng bên ngoài. Vào trong tiệm, T gặp chị Trương Hoàng P (con gái Trương Quang T) và anh Vi Trung N (chồng Trương Hoàng P) thì đưa Biên nhận cầm đồ và nói “Cho em bán luôn”, chị P cầm biên nhận kiểm tra, cân vàng mà quên trừ phần mặt phật không phải bằng vàng nên báo giá là 14.664.000 trừ tiền đã cầm là 5.000.000đ thì T nhận được 9.664.000. Sau khi nhận được tiền thì T chở Đ về phòng trọ của T, T đưa cho Đ 4.000.000đ, T giữ số tiền còn lại. Khoảng 20 phút sau khi T và Đ rời khỏi tiệm vàng thì H đến tiệm vàng K báo mất Biên nhận cầm đồ và anh Nghĩa có cho H xem camera người đã đem Biên nhận cầm đồ đến để bán dây chuyền, H nhận ra Đ rồi ra về. Đến khoảng 18 giờ thì H quay lại tiệm vàng K xin chuộc lại sợi dây chuyền và mặt thì anh Nghĩa đồng ý. Ngày 29/6/2019, H đến Công an thị trấn Bến Lức trình báo về việc bị một thanh niên tên Đ nhét được biên nhận cầm đồ rồi sử dụng bán luôn dây chuyền và mặt dây chuyền của H. Đến ngày 02/7/2019, Nguyễn Văn Đ bị bắt và ngày 16/7/2019 Phan Thành T đến Công an huyện Bến Lức đầu thú về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 49/KL-HĐĐG ngày 05/7/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Bến Lức, tiến hành định giá và kết luận: 01 sợi dây chuyền vàng 18K, trọng lượng 3,2 chỉ và 01 mặt dây chuyền khắc hình phật Di lạc có vàng bọc xung quanh, trọng lượng 3,2 trị giá là 9.936.000đ.

Tại cáo trạng số 82/CT-VKSBL ngày 21-8-2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức truy tố các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Phan Thành T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Phan Thành T hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội bị cáo thực hiện đúng như nội dung cáo trạng đã nêu, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức truy tố các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Phan Thành T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội đúng pháp luật, không oan, xin Hội đồng xét xử khoan hồng cho các bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức trong phần luận tội đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo xét thấy đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự 2015 như cáo trạng của viện Kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức truy tố các bị cáo là đúng tội, đúng pháp luật, không oan.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: các bị cáo Đ, T đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, các bị cáo tác động đến gia đình bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả do đó cần cho các bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015; bị cáo Phan Thành T đã ra đầu thú do đó cần cho bị cáo T hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Phan Thành T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 50, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt:

Bị cáo Nguyễn Văn Đ từ 06 tháng đến 09 tháng tù, thời gian tù tính từ ngày 02/7/2019.

Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 50, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt:

Bị cáo Phan Thành T từ 06 tháng đến 09 tháng tù, thời gian tù tính từ ngày 16/7/2019.

Do hoàn cảnh gia đình các bị cáo gặp khó khăn nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi sự việc xảy ra, các bị cáo tác động đến gia đình về việc bồi thường cho bị hại nên ông Phan Thành H là cha của Phan Thành T đã bồi thường số tiền 5.664.000đ và bà Huỳnh Thị Bé S là mẹ của Nguyễn Văn Đ đã bồi thường số tiền 4.000.000đ, ông Trương Quang T, anh Vi Trung N đã nhận đủ và không yêu cầu bồi thường dân sự. Ông Hưng, bà Sáu cũng không có yêu cầu các bị cáo Đ, T phải trả lại số tiền đã bỏ ra bồi thường cho bị hại nên không xem xét.

Về vật chứng: 01 biên Nhận cầm đồ số 8090619 đề ngày 28/6/2019, xét cần lưu giữ trong hồ sơ vụ án nên đề nghị áp dụng Điều 89, 90 Bộ luật tố tụng hình sự lưu giữ lại trong hồ sơ vụ án.

(Vật chứng hiện Tòa án nhân dân huyện Bến Lức đang tạm giữ).

Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận hành vi của mình đúng như nội dung cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát đã nêu, các bị cáo xác định cáo trạng truy tố các bị cáo là không oan sai, các bị cáo không tranh luận, chỉ xin Hội

đồng xét xử khoan hồng cho các bị cáo. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không tranh luận.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Bến Lức, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, biên bản định giá tài sản và các chứng cứ khác mà cơ quan điều tra đã thu thập được thẩm tra tại phiên tòa nên có đủ cơ sở khẳng định xuất phát từ việc không tiền tiêu xài nên vào khoảng 12 giờ ngày 28/6/2019, anh Phạm Thành H đến tiệm game Hòa Bình chơi game làm rơi Biên nhận cầm đồ số 8090619 thì Nguyễn Văn Đ nhặt được và cất giữ. Sau đó Đ gặp Phan Thành T rủ T lấy biên nhận cầm đồ của H cầm thêm hay bán lấy tiền chia nhau tiêu xài, T và Đ thống nhất là bán luôn. Khoảng 16 giờ 20 phút cùng ngày thì đến tiệm vàng K, địa chỉ: số 8, Đường Đ, khu phố 4, thị trấn B, huyện B, Đ đứng bên ngoài còn T vào trong tiệm gặp chị Trương Hoàng P và anh Vi Trung N, T đưa Biên nhận cầm đồ và nói “Cho em bán luôn”, chị P cầm biên nhận kiểm tra thì thấy đúng biên nhận của tiệm nên cân vàng báo giá là 14.664.000 trừ tiền đã cầm là 5.000.000đ thì T nhận được 9.664.000. Sau khi nhận được tiền thì T chở Đ về phòng trọ của T, T đưa cho Đ 4.000.000đ, T giữ số tiền còn lại. Sau khi lấy tiền, T và Đ đã tiêu xài cá nhân hết. Như vậy đã đủ cơ sở kết luận các bị cáo phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, do đó Cáo trạng Viện kiểm sát huyện Bến Lức truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng tội, đúng pháp luật, không oan.

Hành vi trái pháp luật của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác, với bản tính tham lam, động cơ mục đích vụ lợi, các bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của người khác bán lấy tiền chia nhau tiêu xài cá nhân, các bị cáo thực hiện do lỗi cố ý trực tiếp, đã xâm

phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, xâm phạm trật tự an toàn xã hội, gây mất trật tự địa phương.

Trong vụ án này các bị cáo cùng thống nhất ý chí thực hiện hành vi phạm tội nhưng không thể hiện rõ việc phân công nhiệm vụ, vai trò cụ thể từng người, không có sự cấu kết chặt chẽ trong việc thực hiện hành vi phạm tội nên thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Bị cáo Đ là người khởi xướng, bị cáo T là người thực hành. Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo, cần áp dụng hình phạt buộc cách ly xã hội đối với các bị cáo trong thời gian nhất định để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: các bị cáo Đ, T đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, các bị cáo tác động đến gia đình bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả do đó cần cho các bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015; bị cáo Phan Thành T đã ra đầu thú do đó cần cho bị cáo T hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[3] Về hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định: Xét thấy không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Sau khi sự việc xảy ra, các bị cáo tác động đến gia đình về việc bồi thường cho bị hại nên ông Phan Thanh H là cha của Phan Thành T đã bồi thường số tiền 5.644.000đ và bà Huỳnh Thị Bé S là mẹ của Nguyễn Văn Đ đã bồi thường số tiền 4.000.000đ, anh Vi Trung N đã nhận đủ và không yêu cầu bồi thường dân sự. Ông H, bà S cũng không có yêu cầu các bị cáo Đ, T phải trả lại số tiền đã bỏ ra bồi thường cho bị hại nên hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về vật chứng: 01 biên Nhận cầm đồ số 8090619 đề ngày 28/6/2019, áp dụng Điều 89, 90 Bộ luật tố tụng hình sự xét cần tiếp tục lưu giữ lại trong hồ sơ vụ án.

(Vật chứng hiện Tòa án huyện Bến Lức đang tạm giữ).

[6] Về án phí: các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Phan Thành T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Phan Thành T phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 50, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt:

Bị cáo Nguyễn Văn Đ 06 tháng tù, thời gian tù tính từ ngày 02/7/2019.

Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 50, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt:

Bị cáo Phan Thành T 06 tháng tù, thời gian tù tính từ ngày 16/7/2019.

2. Áp dụng Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Tiếp tục tạm giam các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Phan Thành T trong thời hạn 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày 31-10-2019 để đảm bảo kháng cáo, kháng nghị và thi hành án.

3. Áp dụng Điều 89, 90, 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Tiếp tục lưu giữ lại trong hồ sơ vụ án 01 biên Nhận cầm đồ số 8090619 đề ngày 28/6/2019.

(Vật chứng hiện Tòa án huyện Bến Lức đang tạm giữ).

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Phan Thành T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Án xử sơ thẩm công khai, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh Long An;
- Sở tư pháp tỉnh Long An;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra huyện Bến Lức;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Bến Lức;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Bến Lức;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Thanh Thúy

